

Khoái Châu, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Số: 55/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐỒNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số 30/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020, giữa:

* **Nguyên đơn:** Anh Đàm Quang A - Sinh năm: 1983

HKTT, trú tại: thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

* **Bị đơn:** Chị Vũ Thị Th - Sinh năm: 1984

HKTT, trú tại: thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Đàm Quang Anh T, sinh ngày 14/01/2019

Người giám hộ cho cháu T: Chị Vũ Thị Th (mẹ đẻ cháu T)

Đều trú tại: thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 51; 55; 57; 81; 82; 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, lập ngày 19/3/2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đồng sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19/3/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đồng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Đàm Quang A và chị Vũ Thị Th.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đồng sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** anh anh Đàm Quang A và chị Vũ Thị Th cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Vợ chồng anh A có một con chung là cháu Đàm Quang Anh T, sinh ngày 14/01/2019. Hai bên thống nhất giao cháu Đàm Quang Anh T cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ ngày 19/3/2020 cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung (cháu T) cho chị Th mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ khi ly hôn đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Việc đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện hàng tháng và vào ngày 01 của tháng.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và chị Th có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu anh A chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nói trên thì anh A phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm đối với khoản tiền chậm cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh A được quyền thăm gặp và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình:** anh A và chị Th cùng tự nguyện không yêu cầu Toà án đặt ra giải quyết.

- **Về án phí:** anh A có trách nhiệm nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền anh A đã nộp theo biên lai số: 0002116 ngày 14/02/2020 tại Chi cục thi hành án, anh A đã thi hành xong.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

(Đã ký)

Nơi nhận :

- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh H- ng Yên;
- VKSND huyện K;
- THA huyện K;
- UBND xã A;
- L- u HSVA.

Thẩm phán
Đào Duy Trĩnh